

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2019/HS-ST

Ngày 26 - 3 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ - Cán bộ hưu trí

Ông Đỗ Trọng Hoàn - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019;

Đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Đình K**, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1985 tại: thị trấn huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 2 thị trấn huyện T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình T và bà Trịnh Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: 02.

- Ngày 06/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù, về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 03/6/2015 chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 05/01/2017 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù, về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 01/9/2017 chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 22/7/2016 bị Công an thị trấn T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bố đẻ: Trịnh Đình T, sinh năm 1962

Mẹ đẻ: Trịnh Thị L, sinh năm 1963

Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con đầu.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, đã ly hôn

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. có mặt.

2. Bị cáo **Trịnh Đình Hùng**, sinh ngày 07/01/1993

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Khu 2 thị trấn huyện T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo : không

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 20/9/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù, về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 24/8/2015 chấp hành xong án phạt tù.

Bố đẻ: Trịnh Đình C, sinh năm 1971

Mẹ đẻ: Lê Thị L, sinh năm 1972

Gia đình có 02 anh em, Bị cáo là con đầu

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công An tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

3. Bị cáo **Cao Sơn T**, sinh ngày 29/9/1990; Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu 3 thị trấn huyện T, huyện T, Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt nam;
Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

- Ngày 22/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù, về tội: “ Trộm cắp tài sản”

- Ngày 31/10/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 tháng tù, về tội: “ Trộm cắp tài sản”

- Ngày 26/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án ngày 31/10/2014, hình phạt chung là 24 tháng tù. Ngày 29/8/2016 chấp hành xong án phạt tù.

Bố đẻ: Cao Văn M, sinh năm 1966; Mẹ đẻ:Trần Thị T - SN 1966

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị hại: chị Lê Thị Lan

Nơi cư trú: thôn 2, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lý Đình H

Nơi cư trú: khu 3, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Cao Văn M

Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 29/11/2018, Trịnh Đình K, Trịnh Đình H và Cao Sơn T rủ nhau đi từ thị trấn T đến khu đô thị Ngôi Sao thuộc thôn 2, xã H, huyện T với mục đích trộm cắp tài sản. K và H đi xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 48F2-0725 của H, do H điều khiển; T điều khiển xe máy nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát 29F5-7923. Khi đi đến đầu đường vào khu đô thị Ngôi sao, K thấy một thanh sắt dài khoảng 40cm nằm ở lề đường nên bảo Hùng xe lại nhặt để sử dụng trộm cắp tài sản. Sau đó cả ba đi vào trong khu dân cư, K phát hiện nhà chị Lê Thị L (Sinh năm 1993 ở thôn 2, xã H không có ai ở nhà nên đã nói với T và H dừng lại, đứng ngoài canh gác để K đột nhập vào nhà chị L trộm cắp tài sản. K trèo qua cổng sắt vào trong sân, dùng thanh sắt nhặt được trước đó đập phá hỏng ổ khóa cửa vào nhà chị L. Khi vào trong nhà K thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1661 màu xám- đen- đỏ để trên nóc chiếc loa đã lấy bỏ vào túi quần, vào trong buồng ngủ K thấy 01 máy tính nhãn hiệu HP Elitebook 840 màu xám- đen để trên nóc tủ quần áo, bên cạnh đó có chiếc túi xách màu đen, K lấy máy tính kèm theo dây sạc bỏ vào túi xách rồi cầm ra ngoài và đưa túi đựng máy tính cho T cầm. Sau đó cả ba cùng đi lên thị trấn L, T trực tiếp bán máy tính trộm cắp được cho anh Lý Đình H (sinh năm 1989 ở khu 3, thị trấn L, huyện T)- là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa máy tính được 2.000.000đ (hai triệu đồng). Số tiền trên T cầm 1.000.000đ (một triệu đồng) nhờ người mua ma túy sử dụng, còn 1.000.000đ (một triệu đồng) T đưa cho K cầm để tiêu xài chung. Chị L sau khi phát hiện bị mất trộm số tài sản trên đã đến Cơ quan công an trình báo. Quá trình điều tra xác minh, Trịnh Đình H, Trịnh Đình K và Cao Sơn T lần lượt ra đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Trịnh Đình K đầu thú tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Nokia và số tiền 57.000đ (năm mươi bảy nghìn đồng)- là số tiền còn lại sau khi đã tiêu xài cá nhân; Trịnh Đình H đầu thú giao nộp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả. (Bút lục: 102-106; 124-139; 149-164; 181-193)

Ngày 30/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu định giá đối với 01 điện thoại và 01 máy tính mà Tùng, H, K đã trộm cắp. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43/LK-HĐĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- Chiếc máy tính nhãn hiệu HP EliteBook 840 màu xám đen có giá trị 10.080.000đ

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám- đen- đỏ model 1661 có giá trị 150.000đ

Giá trị của tài sản vào thời điểm bị xâm hại là 10.230.000đ.

Túi xách đựng máy tính T đã đưa lại cho K cầm, trên đường đi từ thị trấn L về nhà K đã vớt ở lề đường thuộc địa phận xã T; Thanh sắt dùng phá khóa, K ắt ở xe máy của T, trên đường đi đã bị rơi lúc nào K không biết. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với xe máy nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát 29F5- 7923 T sử dụng trong quá trình tham gia trộm cắp, T mượn của bố để là ông Cao Văn M, khi mượn xe T không nói với ông M là sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 48F2-0725, H khai mua lại từ một người không quen biết tại cổng chợ Tây Thành, thành phố T với số tiền 600.000đ vào đầu năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã yêu cầu tra cứu, tuy nhiên không xác định được nguồn gốc. Do đó cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc Cao Sơn T khai nhận có nhờ một người đàn ông mua ma túy tại thị trấn L, tuy nhiên không xác định được người này là ai, do vậy không có căn cứ xử lý.

Anh Lý Đình H đã mua máy tính từ Cao Sơn T nhưng không biết nguồn gốc là do trộm cắp mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Anh H có yêu cầu được bồi thường số tiền 2.000.000đ đã sử dụng để mua chiếc máy tính. Bị hại là chị Lê Thị Lsau khi nhận lại tài sản bị mất trộm không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng vụ án :

- 557.000đ (năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- 01 ổ khóa nhãn hiệu Viettiep bằng kim loại, màu đen, đã bị hỏng;

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 48F2-0725.

Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTX ngày 30/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trịnh Đình H và Cao Sơn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trịnh Đình Kiên, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H và Cao Sơn T thừa nhận hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia trị giá 150 nghìn đồng và 01 máy tính HP EliteBook 840 của chị Lê Thị L trị giá 10.080.000đ (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Hành vi đó của Trịnh Đình H, Cao Sơn T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trịnh Đình K đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung là “ Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; bị hại là chị Lê Thị L có

ý kiến đồng ý với nội dung Cáo trạng nêu và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H và Cao Sơn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo: Trịnh Đình K từ 28 tháng đến 32 tháng tù. Bị cáo Trịnh Đình H từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Bị cáo Cao Sơn T từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Kiên, Hùng, S. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Lý Đình H số tiền 2 000 0000 (Hai triệu) đ, trong đó 3 bị cáo đã bồi thường được 57 000đ (năm bảy nghìn đồng). Riêng bị cáo H đã bồi thường được 500 000(năm trăm nghìn) đồng. Về án phí: buộc các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H, Cao Sơn T phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo K, H, T không có ý kiến tranh luận gì khác; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xem xét xử lý vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 29/11/2018, các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H, Cao Sơn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NoKia và 01 máy tính nhãn hiệu HPEliteBook của chị Lê Thị L có giá trị 10.230.000đ (Mười triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người,

đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có tiền để sử dụng cho cá nhân, khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian gần đây tội phạm trộm cắp tài sản, đặc biệt là ở các vùng nông thôn đang diễn biến phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Loại tội phạm này ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, tinh vi, trong khi ý thức bảo vệ tài sản của người dân thì vẫn còn sơ hở. Do vậy việc đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H, S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo cùng với gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trịnh Đình K là đối tượng tái phạm nguy hiểm, áp dụng theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, tuổi đời còn trẻ, lẽ ra các bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lại không chịu khó học tập, rèn luyện, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý vụ án thật nghiêm, tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học đối với những ai đang có ý định thực hiện tội phạm.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là những người không có công ăn việc làm ổn định, các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: giữa các bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận với chị L và đã khắc phục xong thiệt hại, chị L không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[10] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia và 01 chiếc máy tính nhãn hiệu HP Elite Book 840 của chị Lê Thị L Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị Lê Thị L là phù hợp.

[11] Quá trình điều tra xác định anh Lý Đình H không biết việc các bị cáo K, H, T trộm cắp chiếc điện thoại và chiếc máy tính của chị Lê Thị L nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H, Cao Sơn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình K.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình Sự đối với bị cáo Trịnh Đình H.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình Sự đối với bị cáo Cao Sơn T.

Áp dụng: Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng: Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H, Cao Sơn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình K 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/11/2018

Xử phạt: Bị cáo: Trịnh Đình H 14 (mười bốn) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/11/2018.

Xử phạt bị cáo Cao Sơn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới trả cho anh Lý Đình H số tiền 2000 000(Hai triệu) đồng. Mỗi bị cáo phải chịu trả 667 000 (sáu trăm sáu

mười bảy) đồng. Các bị cáo đã nộp 57 000đ, trừ đi cho các bị cáo, mỗi bị cáo đã nộp 19 000 (mười chín nghìn) đồng. Bị cáo Trịnh Đình H đã nộp 500 000 (năm trăm nghìn) đ, còn phải trả 148 000 (một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Bị cáo Trịnh Đình K và bị cáo Cao Sơn T còn phải trả 648 000 (Sáu trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

3. Về xử lý tang vật: Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa đã hư hỏng không còn sử dụng được.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo Trịnh Đình K, Trịnh Đình H, Cao Sơn T, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiền